

TỰ CHỦ ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CHO TIẾN TRÌNH TỰ CHỦ ĐẠI HỌC

PHẠM THỊ KIM ANH

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 18/02/2022; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 24/02/2022; Ngày duyệt đăng: 02/03/2022

ABSTRACT

Autonomy in higher education is a trend and a focus in the present higher education reform. In the past 30-year process of experimenting with autonomy in higher education, universities have faced lots of difficulties and problems, even barriers. On the basis of studying and analyzing the difficulties and mismatches in implementing and developing autonomy in universities, the authoress brings forth a number of recommendations which can be applied in Vietnam's autonomy in higher education.

Keywords: Higher education autonomy, difficulty, barrier, recommendations for higher education autonomy

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề cập đến những hướng chính của giáo dục đại học (GDĐH) trên thế giới hiện nay, ông Dilip Parajuli, chuyên gia kinh tế của Worldbank tại Việt Nam đã rút ra ba yếu tố quan trọng là tự chủ và trách nhiệm giải trình; quốc tế hóa và tài chính bền vững (Minh Thuận, 2018) [1]. Như vậy, vấn đề tự chủ đại học (TCĐH) là một trong những xu hướng tất yếu để GDĐH Việt Nam dần tháo gỡ được những rào cản về cơ chế nhằm phát triển, bắt kịp trình độ của khu vực cũng như thế giới. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để các trường đại học Việt Nam chuẩn hóa và quốc tế hóa.

Thực hiện NQ 14 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020, căn cứ vào điều kiện và năng lực quản lý các cơ sở GDĐH, Bộ GD&ĐT đã giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội về hoạt động của mình cho 6 trường đại học là: Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Đại học Hà Nội, Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh và Viện Đại học Mở Hà Nội (tự chủ về tổ chức và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế). Cho đến nay, trong xu thế "Tự cứu lấy mình" một số cơ sở GDĐH công lập khác cũng đã chuyển dần sang cơ chế tự chủ và tự chịu một phần để bảo đảm hiệu quả hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Tính chung cả nước có khoảng 23/169 CSGD chuyển sang cơ chế tự chủ theo đề án riêng của mình. Như vậy, mức độ TCĐH công lập Việt Nam hiện vẫn còn rất thấp trong khu vực Đông Nam Á. Mặc dù vấn đề TCĐH đã được nêu trong Luật giáo dục đại học và có Nghị định 99 hướng dẫn thực hiện, nhưng đến nay quá trình thực hiện TCĐH ở Việt Nam trong suốt 30 qua vẫn còn quá nhiều khó khăn và lúng túng. Theo Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Nguyễn Văn Phúc: "Nhiều quy định về pháp luật liên quan đến giáo dục vẫn chưa tạo điều kiện cho TCĐH ở Việt Nam". PGS.TS. Đỗ Văn Dũng, hiệu trưởng ĐH Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh nêu rõ: "Cơ chế hiện nay không cho phép các hiệu trưởng dám làm, dám chịu trách nhiệm" (Minh Thuận, 2018)[1]. Làm thế nào để các trường đại học ở Việt Nam tháo gỡ được những khó khăn, rào cản trong quá trình tự chủ và có quyền quyết định trong mọi hoạt động của nhà trường là một bài toán cần được tháo gỡ. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung vào ba vấn đề chính: (1) Hiểu thế nào cho đúng về tự chủ đại học; (2) Những khó khăn, bất cập trong triển khai tự chủ đại học ở Việt Nam; (3) Một số khuyến nghị cho tiến trình tự chủ đại học ở Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi sử dụng các phương pháp hồi cứu tư liệu, tổng quan các công trình nghiên cứu

trong và ngoài nước, tổng kết kinh nghiệm các nước. Trên cơ sở đó phân tích và bình luận, rút ra những kết luận khoa học.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU (KẾT QUẢ THẢO LUẬN)

1. Hiểu thế nào cho đúng về tự chủ đại học

Cho đến nay đã có khá nhiều ý kiến tranh luận về TCĐH. Có ý kiến cho rằng, vấn đề cốt yếu trong tự chủ của các trường đại học là vấn đề tự chủ tài chính. Thực chất của TCĐH là sự đánh đổi nguồn hỗ trợ tài chính của nhà nước để lấy quyền tự do quyết định các công việc nội bộ của các trường.

Có ý kiến lại cho rằng, điều quan trọng nhất đối với các trường đại học là được tự do học thuật, chứ không phải tự chủ tài chính. Theo GS.Phạm Quang Minh, hiệu trưởng ĐH KHXH&NV, ĐHQGHN: "TCĐH ở Việt Nam có lẽ cần bắt đầu bằng "khoán học thuật" - để các giảng viên tự chủ trong việc dạy và nghiên cứu. Từ quan sát của người ngoài cuộc, ông Dilip cũng nhấn mạnh, tự chủ đại học phải bắt đầu bằng tự chủ học thuật, rồi mới đến tự chủ tổ chức và tự chủ tài chính" (Minh Thuận, 2018) [1]. Đồng tình với ý kiến của các nhà quản lý giáo dục, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cho rằng: "Các trường đại học cần được tự chủ về chuyên môn thì mới khơi dậy sáng tạo cho từng thành viên trong nhà trường. Đây là tự chủ căn bản nhất." (Minh Thuận, 2018) [1]. Theo Hiệp hội các trường đại học châu Âu, tự TCĐH được thể hiện ở sáu khía cạnh: quản trị tổ chức, nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý người học. Khi Hiệp hội này triển khai đề án dài hạn đối sánh các nền GDĐH ở châu Âu, TCĐH được phân tích ở bốn khía cạnh tổ chức, tài chính, nhân sự và học thuật (Estermann, Nokkala, & Steinel, 2011)" (Đỗ Thị Ngọc Quyên, (2019) [2]. Những quan niệm này theo chúng tôi mới chỉ phản ánh nội dung hay là những khía cạnh cụ thể về TCĐH mà chưa khái quát được bản chất của TCĐH.

Theo Nguyễn Vũ Bích Hiền (2016) [3]: "TCĐH là sự tự do của một cơ sở đào tạo đại học trong việc điều hành các công việc của nhà trường mà không có sự chỉ đạo hoặc tác động từ cấp chính quyền nào". Trần Đức Viên (2017)[4] cũng cho rằng: "Tự chủ trong GDĐH là nhà nước giao các hoạt động của GDĐH cho chủ thể của quá trình đào tạo, đó là các cơ sở GDĐH giống như Khoản 10 đã giao ruộng đất cho chủ thể của đồng ruộng là người nông dân, tạo ra xung lực phát triển nông nghiệp trong những năm đầu đổi mới. Chỉ có TCĐH mới tạo cơ hội và nguồn lực cho phép các trường đại học phát huy giá trị cốt lõi là tự do học thuật và tự do sáng tạo. Các cơ sở giáo dục có quyền tổ chức và vận hành theo những cách riêng, nhưng đều có một mẫu số chung, đó là tạo dựng và phát triển một nền GDĐH dân tộc, nhân bản và khai sáng, trường đại học thực sự là cái nôi của những sáng tạo và đổi mới, theo những chuẩn mực và thông lệ quốc tế"

Ông còn chỉ rõ: “Tự chủ là quyền của các trường đại học được tự quyết định các vấn đề liên quan đến phát triển đại học mà không bị ràng buộc bởi các quy định bên ngoài, điều này khác hoàn toàn với ‘tự lo’. Nhưng tự chủ cũng không có nghĩa là tự do. Đề TCDH thành công, ngoài việc xây dựng và thực hành các quy chế quản trị nội bộ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục (CSGD), thì vấn đề mang tính quyết định là cơ quan quản lý nhà nước phải hình thành khung pháp lý phù hợp, thiết kế qui tắc giám sát, hình thành cơ chế giám sát chặt chẽ và nghiêm khắc của xã hội và của nhà nước theo các chỉ số ‘đầu ra cơ bản’ (Key Performance Indicators - KPIs) mà CSGD cam kết. Thay vì kiểm soát ‘đầu vào’ như cách chúng ta đang làm, nhà nước chỉ giám sát kết quả ‘đầu ra’ KPIs mà CSGD đã cam kết, và qua đó đánh giá, phân loại và xếp hạng các trường đại học. Giao quyền tự chủ cho các CSGD không có nghĩa là Nhà nước trao quyền quản trị và quản lý CSGD cho một cá nhân, mà phải trao cho một tập thể, đó là Hội đồng trường (HĐT). HĐT là một thực thể đại diện cho chủ sở hữu cộng đồng, ở đó gồm các thành viên đại diện cho các nhóm lợi ích có liên quan, nên về thiết chế nó là tổ chức có quyền lực cao nhất, đại diện cho nhà nước quản trị trực tiếp CSGD; vì vậy HĐT có nhiệm vụ lãnh đạo, quản trị nhà trường, làm việc theo nguyên tắc đưa ra các nghị quyết tập thể” (Trần Đức Viên, 2017) [4].

Từ những ý kiến trên và dựa trên các văn bản hiện hành, chúng tôi cho rằng, xây dựng ĐHTC là sự thay đổi hoàn toàn mối quan hệ giữa chính phủ/nhà nước và CSGD đại học thông qua việc chính phủ cho phép các trường đại học có quyền tự quyết và chịu trách nhiệm trước tất cả các vấn đề liên quan đến sự phát triển của nhà trường một cách công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm nhất về thời gian và tiền bạc. Các trường đại học được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của nhà trường. Nhà nước, xã hội giám sát các hoạt động và sự vận hành của các trường qua các tiêu chí cơ bản đã cam kết về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội.

Như vậy, TCDH không còn có “cơ quan chủ quản”, các CSGD được tự quyết định ‘thân phận’ của mình, được tự khẳng định vị thế và tâm vóc của mình, thích ứng với cơ chế thị trường. Nhà nước rút khỏi những công việc cụ thể, sự vụ, chuyên môn, học thuật... và giao những lĩnh vực, những việc Nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ cho các trường đại học.

2. Những khó khăn, bất cập trong triển khai tự chủ đại học ở Việt Nam

Theo nhận nhận của các nhà nghiên cứu cũng như ý kiến từ các nhà quản lý thì con đường TCDH ở Việt Nam còn gặp ghềnh, trắc trở bởi một số nguyên nhân, trong đó có ba “điểm nghẽn” gây ra rào cản cho quá trình TCDH ở Việt Nam đó là: khung pháp lý, vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT và HĐT. Nếu không tháo gỡ được 3 điểm nghẽn này thì các trường đại học khó có thể tự chủ một cách hoàn toàn.

-Về khung pháp lý và vai trò của cơ quan quản lý nhà nước: Mặc dù Điều 32 trong Luật giáo dục đại học sửa đổi (2018) đã quy định rất rõ về các quyền TCDH: Tự chủ trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn; tự chủ trong tổ chức và nhân sự; tự chủ trong tài chính và tài sản. Nghĩa là khung pháp lý đã có và đã được luật hóa, song hệ thống pháp lý chưa đồng bộ và thiếu nhất quán. Trong thực tế cơ quan chủ quản/Bộ GD&ĐT vẫn kiểm soát và can thiệp sâu từ khâu tuyển sinh vào đại học, cao học, nghiên cứu sinh đến quản lý tài chính, cấp phát kinh phí, duyệt nhân sự, công nhận, tuyên dụng GS, PGS, v.v.. Trong hoạt động, các trường đại học vẫn phải “thông qua” quá nhiều các bên. Chẳng hạn, hoạt động mở ngành đào tạo phải xin phép Bộ GD&ĐT, liên quan đến tăng giảm học phí phải thông qua Bộ Tài chính, cho đến xây dựng tòa nhà, đấu thầu, mua sắm... phải thông qua một số cơ

quan khác nhau với quá nhiều văn bản thủ tục hành chính hướng dẫn. Đó là chưa kể hàng năm các trường đều phải thanh tra, kiểm toán đều đặn... Không những thế, Bộ GD&ĐT còn ôm nhiều việc khác để rồi xử lý rất quan liêu. Trên hình thức thì quá chặt chẽ nên trói buộc sáng kiến của những đơn vị nghiêm túc, trên thực tế lại quá lỏng lẻo, tạo nhiều sơ hở để bị lợi dụng. Đó là lý do dẫn đến cảnh tượng hỗn loạn về đào tạo, về bằng cấp, chức danh và bao nhiêu những tiêu cực khác, không thể kiểm soát được Điều này làm cho quyền tự chủ của các trường đại học bị lu mờ...

Cũng vì hệ thống pháp lý chưa rõ ràng, nên hiệu trưởng các trường đại học luôn trong tình trạng “một cổ hai tròng”: vừa báo cáo xin ý kiến HĐT, vừa báo cáo xin ý kiến cơ quan quản lý nhà nước.

Muốn giải quyết được vấn đề này, cần phải nói lòng, gỡ bỏ rất nhiều quy định ràng buộc cứng nhắc, tạo hành lang pháp lý để các trường, các hiệu trưởng dám tự chủ và có thể nâng cao đầu tự chủ theo pháp luật, được pháp luật bảo vệ, chứ không phải “vừa tự chủ, vừa cúi đầu” trước những áp lực vô hình từ cơ quan chủ quản.

- Về Hội đồng trường: Dù Luật giáo dục đại học đã quy định chi tiết nhiệm vụ của HĐT, thành phần cơ cấu cũng như nguyên tắc làm việc của HĐT ở các trường đại học công lập ở Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế nó dường như không hoạt động như kỳ vọng. Nhiều người cho rằng, HĐT là một thiết chế ‘hữu danh vô thực’ không quyền, không tiền, không gắn với trách nhiệm và lợi ích, hoạt động rất hình thức và phụ thuộc. Mọi việc lớn nhỏ của trường đại học đều được Đảng ủy và Ban Giám hiệu quyết định và làm hết. HĐT chỉ có thực quyền khi có quyền ra quyết định cuối cùng về các lĩnh vực này. Theo Trần Đức Viên (2017) [4]: “Các quy định pháp luật hiện hành đều không có chỗ cho sự hiện diện quyền lực của HĐT với cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, trong trái tim, khối óc của cán bộ viên chức, người học và đội tác, và vì thế, HĐT không có vai trò gì trong việc đưa ra quyết định về công tác tổ chức, nhân sự và tài chính, ví dụ: trên các loại bằng cấp của người học, nếu ta thử nhìn vào bằng Thạc sĩ, bằng Tiến sĩ của một đại học nào đó ở Hoa Kỳ, chẳng hạn như đại học Purdue hay đại học Bắc Carolina, ở đó đều có chữ ký ở vị trí trang trọng nhất của chủ tịch HĐT; thậm chí bằng cấp là do HĐT quyết định, nên trên các bằng cấp này đều có dòng chữ ‘Be it Known that the Trustees of X University...’ hay ‘the Trustees of the University have conferred upon Lê Văn A the degree upon PhD...’, v.v... Ở ta, không có chỗ nào cho vị trí ‘quan trọng’ của HĐT trên tấm bằng hay chứng chỉ nghề nghiệp của người học”.

Nhiều ý kiến cho rằng, để HĐT có thể hoạt động và thực sự tạo cơ chế cho TCDH, HĐT phải có thực quyền theo Luật định và phải làm rõ sự phân vai phân nhiệm, mối quan hệ giữa ba tổ chức: quản trị (HĐT), quản lý (Ban giám hiệu - BGH) và tổ chức chính trị (Đảng ủy), và trong mô hình hệ thống quản trị đại học cấp trường cần khẳng định rõ tổ chức Đảng nằm ở đâu?, ở trên hay song song với HĐT và có vai trò gì trong tiến trình tự chủ của trường đại học?. Chỉ khi có sự phân định một cách rạch ròi thì chức năng lãnh đạo, điều hành, vận hành, quản lý, giám sát không bị chồng chéo, giảm đi lên nhau.

- Ngoài ra trong quá trình tự chủ, nhiều trường còn gặp khó khăn, bất cập, vướng mắc liên quan tới các luật và quy định khác. Trên phương diện lý thuyết thì các trường đại học được tự quyết về các vấn đề tổ chức nội bộ như lựa chọn, bổ nhiệm, sa thải lãnh đạo các cấp, về các vấn đề chiến lược và ngân sách, cấu trúc tổ chức (thành lập các đơn vị trực thuộc). Tuy nhiên, về mặt nhân sự, các trường tự chủ chưa được trao quyền tự chủ quyết định nhân sự cấp cao nhất, mà mới chỉ được quyết định từ cấp khoa, cấp bộ môn trở xuống; về mặt tài chính, tuy có quyền xếp lương cho cán bộ theo năng lực và vị trí việc làm, nhưng muốn xếp lương cho GS là phải xin ý kiến cấp trên duyệt... Khen thưởng cũng phải theo định mức, theo hướng dẫn, không được tự quyết. Đặc biệt,

chúng từ, thủ tục thanh quyết toán vẫn phải theo quy định của Bộ Tài chính quá phiền hà, rắc rối...

Tóm lại, khung pháp lý và chính sách thì có nhưng nhìn vào từng việc cụ thể thì còn nhiều bất cập, vướng mắc liên quan tới các quy định làm bó chân, bó tay các CSGD đại học. Điều này đã làm nản lòng các nhà lãnh đạo khi bước chân vào tự chủ, khiến các trường thực hiện tự chủ nửa vời hoặc rất hình thức.

3. Một số khuyến nghị cho tiến trình tự chủ đại học ở Việt Nam

Để các CSGD đại học công lập tiến tới tự chủ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, chúng tôi có các khuyến nghị sau:

3.1. Khảo sát, đánh giá toàn diện về tự chủ đại học ở Việt Nam để xác định khó khăn, bất cập, đề xuất những chính sách phù hợp, khả thi

Đây là việc làm đầu tiên và rất quan trọng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tiến trình TCDH. Để làm được việc này, cần có những nghiên cứu đánh giá, khảo sát toàn diện thông qua đề tài, dự án cấp nhà nước hoặc giao cho một tổ chức đánh giá độc lập. Trên cơ sở khảo sát hiện trạng về TCDH hiện nay ở một số trường, xác định rõ các khó khăn, bất cập, rào cản và thách thức; phát hiện các nhân tố mới hợp lý, nhưng chưa hợp luật trong thực tiễn; phân tích để biết được các chính sách về tự chủ đã tạo điều kiện cho các trường đại học phát triển đến đâu, những thành quả nào có được là nhờ tự chủ, những thành tựu nào không phải do tự chủ..., từ đó rút ra các bài học cho việc hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện TCDH một cách phù hợp và khả thi, thúc đẩy các trường đẩy nhanh tiến trình TCDH.

3.2. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ và thống nhất

Muốn tự TCDH, điều tối quan trọng là luật hóa để đảm bảo "khoảng trời tự do" dành cho tự chủ và bảo vệ những người dám tự chủ. Hệ thống pháp luật phải đồng bộ, thống nhất và biện chứng, vừa đồng bộ, vừa rõ ràng, vừa mở, tạo niềm tin pháp lý cho các CSGD tự chủ và cho xã hội. Cần xây dựng khung pháp lý đủ rộng và thoáng để các trường có thể tự tin, mạnh dạn đi trên con đường tự chủ, tránh được các áp lực vô hình như hiện nay. Cần lưu ý là, trong khi hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ, rất cần có cơ chế bảo vệ những con người dũng cảm, dám đi trước trong việc vận dụng quyền tự chủ vào việc nâng cao chất lượng GDDH. Nói về điều này, bà Nguyễn Thị Kim Phụng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo) nhấn mạnh: "Cần xây dựng quy định "khung" của quá trình TCDH. Trong đó, điều cốt lõi nhất là khung tự chủ phải vừa thông thoáng cho các trường chủ động, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, phân bổ nguồn lực trước yêu cầu của thị trường; vừa có tiêu chí đánh giá chất lượng đầu ra cụ thể để có thể quản lý chất lượng trong điều kiện TCDH; vừa tiệm cận với chuẩn quốc tế, vừa khả thi trong điều kiện Việt Nam" (Thu Quỳnh, 2017)[5].

Để tạo 'khoảng mở' cho CSGD đại học tự chủ, theo Trần Đức Viên (2020) [6]: "Các văn bản quy phạm dưới luật chỉ nên đưa ra các quy định mang tính nguyên tắc để cơ quan quản lý nhà nước dựa vào đó giám sát, đảm bảo việc thực hiện nhất quán với toàn bộ hệ thống một cách công bằng, minh bạch; tạo 'khoảng trời tự do' đủ lớn cho các CSGD nâng động thể hiện thực lực TCDH của nhà trường". Cần phải giữ đúng nguyên tắc: cái gì, việc gì mà đại học có thể giải quyết tốt nhất thì họ phải được quyền quyết định. Dựa vào điều kiện thực tiễn khác nhau của mỗi trường, họ quyết định mức độ tự chủ, ví: "Không có một cỡ áo vừa vặn cho tất cả". Điều này sẽ tránh nguy cơ rập khuôn, cứng nhắc, áp đặt, qua đó duy trì sự đa dạng về các loại hình, phương thức tự chủ trong hệ thống, tạo sự linh hoạt, năng động và tự chủ thật sự cho CSGD.

Các quy định về TCDH cũng cần dựa trên những khung, bộ tiêu chí chung. Theo Đỗ Thị Ngọc Quyên: "Đại học ở các nước phát triển có thang để đánh giá mức độ quản trị của nhà trường, gồm: 1) quản lý và lãnh đạo; 2) sự tham gia của các bên liên quan; 3) trách nhiệm giải trình; 4) khả năng tự chủ và 5) minh bạch. Dựa trên các tiêu chí cụ thể đó sẽ đánh giá được khả năng tự chủ cũng như mức độ giải trình của các trường (Thu Quỳnh, 2017) [5]

Tóm lại, hệ thống văn bản dưới luật cần tập trung gỡ rối các xung đột giữa các luật và đồng bộ hóa các quy định do các bộ và cơ quan chủ quản ban hành nhằm đảm bảo một môi trường pháp lý nhất quán cho quá trình thiết lập cơ chế tự chủ.

3.3. Nâng cao năng lực và quyền lực thực sự của Hội đồng trường trong CSGD đại học để tiến tới xóa bỏ cơ chế chủ quản

Muốn xây dựng ĐHTC hoàn toàn, có quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến sự phát triển của nhà trường, không phụ thuộc vào một "cấp trên" nào, cần nhanh chóng giải phóng các trường đại học khỏi cơ chế chủ quản, nâng cao năng lực và quyền lực thực sự cho ĐHT đúng với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nó theo luật định. Bởi ĐHT chỉ mạnh và phát huy tác dụng tốt nhất khi không bị ràng buộc hay sự chỉ đạo của một cấp trên nào.

Các cơ quan quản lý có thẩm quyền không thể tùy tiện can thiệp, chỉ huy, ra lệnh đối với quyền tự chủ của nhà trường, cần tôn trọng các quyết định về mọi mặt, nhất là lĩnh vực chuyên môn của nhà trường, vì tự chủ về mặt chuyên môn, học thuật mới là hồn cốt của GDDH. Do đó, phải thiết kế lại hệ thống quản trị và quản lý trường ĐH.

Muốn thực hiện điều này, trong Luật và các văn bản dưới Luật cần phải làm rõ mối quan hệ giữa cơ quan chủ quản với các CSGD tự chủ cũng như vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các bên. Theo Trần Đức Viên (2020) [6]: "cần phải quy định cơ quan chủ quản được làm gì và không được làm gì, nhà trường được làm gì và không được làm gì. Một khi hành lang pháp lý có đường biên rõ ràng thì các trường đại học tự chủ cứ thể mà thực hiện các quyền đã được pháp luật cho phép, quan hệ xin - cho giữa cơ quan chủ quản và trường cũng sẽ biến mất, không còn có chuyện cơ quan chủ quản can thiệp sâu vào các hoạt động của nhà trường, kể cả các vấn đề "tế nhị" về tổ chức và nhân sự".

Tuy nhiên, việc xóa bỏ cơ chế cơ quan chủ quản cũng cần có lộ trình, phù hợp với năng lực của từng CSGD đại học.

3.4. Không xóa bỏ vai trò và nghĩa vụ tài chính của nhà nước đối với các CSGD đại học thực hiện tự chủ

TCDH không có nghĩa là để mặc các trường đại học phải tự lo, "tự bơi" về mặt tài chính. Nhà nước không thể sử dụng chính sách xã hội hóa, hoặc thu học phí của người học để chối bỏ trách nhiệm tài chính với các CSGD đại học.

Ngay cả các nước ở châu Âu và châu Á (Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản...) việc cấp ngân sách nhà nước cho đại học không hề bị phủ nhận, thậm chí việc đầu tư và hỗ trợ tài chính cho các trường đại học vẫn rất lớn. Ở châu Âu, chi số tự chủ về tài chính là để xem xét mức độ lệ thuộc của trường đại học vào ngân sách nhà nước hoặc mức độ đa dạng hóa các nguồn thu của trường như thế nào. Trong số 11 chỉ số của bộ công cụ đánh giá tự chủ tài chính, có tới hai chỉ số xem xét chu kỳ cấp ngân sách và loại hình ngân sách được cấp (khoán trọn gói theo nhiệm vụ hay khoán theo chi mục) để đánh giá mức độ tự do của trường trong việc sử dụng ngân sách nhà nước. Như vậy, để các CSGD đại học phát triển vì lợi ích cao nhất của người học và xã hội thì nhà nước không thể xóa bỏ vai trò và nghĩa vụ tài chính của mình đối với các ĐHTC.

Nếu nhà nước không thực hiện nghĩa vụ hỗ trợ tài chính (cấp ngân sách) thì sẽ dẫn đến hiện trạng là trước khi nghĩ đến chất lượng đào tạo, các trường đã phải loay hoay lo kiếm tiền để tồn tại, lo cho việc tuyển thật nhiều sinh viên vào học, vì học phí gần như là nguồn thu duy nhất trước khi lo thực hiện sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của trường. Theo Trần Đức Viên, (2020)[7]: "Ở đầu giáo dục mà chỉ lo kiếm sống thì ở đó khó có nền giáo dục tử tế, khó nói đến chất lượng, ở đầu làm khoa học mà để kiếm tiền, để làm giàu thì ở đó khó có nền khoa học công nghệ chân chính, khó có liêm chính học thuật".

Thực tiễn đã cho thấy, nhiều trường đại học vì lo tài chính đã biến mình thành nơi "kinh doanh hóa", đặt ưu tiên tài chính lên

(Xem tiếp trang 27)

và tinh thần học tập như trên lớp nha bạn. Tất nhiên, bạn không thể thiếu sổ hoặc phần mềm ghi chép để ghi lại những nội dung chính của bài giảng và những nội dung mà bạn muốn nắm bắt.

Biện pháp 2: Giảng viên chỉ là người xác định mục đích, đặt ra những yêu cầu về mặt tri thức và khẳng định tri thức đó có ý nghĩa như thế nào đối với sinh viên và đối với quá trình học tập. Kích thích tính tự giác bằng cách buộc sinh viên phải chủ động thực hiện hoạt động nhận thức của mình, tự xác định nội dung tri thức đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu trên. Giảng viên cần tích cực tổng việc cung cấp các tài liệu cho sinh viên từ trước, giao nhiệm vụ cho sinh viên tìm hiểu về các vấn đề và sẵn sàng giải đáp thắc mắc, tư vấn cho sinh viên trong quá trình đọc và tìm hiểu này. Sau đó cần có các buổi báo cáo của sinh viên về quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của mình. Các buổi học nên có các định hướng lý thuyết trọng tâm và lồng ghép nhiều liên hệ thực tế và yếu tố thực hành để bắt buộc sinh viên phải làm việc. Bên cạnh đó giáo viên cần nghiêm túc thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc học tập của sinh viên thông qua việc đánh giá quá trình học bằng nhiều các đầu điểm. Với cách đánh giá này thì không chỉ sinh viên có kiến thức mà điểm số môn học của sinh viên cũng được tính toán rất chặt chẽ từ việc tham gia nghiêm túc các buổi học.

Biện pháp 3: Quản lý của nhà trường cần phải được nâng cao hơn nữa trong việc tổ chức dạy trực tuyến. Các quy định, quy tắc đối với sinh viên cần được kiểm soát chặt chẽ nhưng cũng cần linh hoạt theo từng tình huống. Bên cạnh các phần mềm ứng dụng học tập, nhà trường cần cập nhật các ứng dụng quản lý ý thức tham gia lớp học trực tuyến của sinh viên như: điểm danh qua phần mềm, phần mềm cập nhật việc ra vào lớp, phần mềm kiểm tra việc làm bài trực tuyến của sinh viên. Bên cạnh đó việc nhà trường thường xuyên nâng cấp các phần mềm học tập, cập nhật những ứng dụng mới với nhiều tính năng hiện đại, thú vị hơn sẽ khuyến khích cả giảng viên và sinh viên tích cực hơn trong việc dạy và học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Bùi Minh Hiền (2009), Giáo trình giáo dục học, tập 1, 2), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thanh Thùy (2016), Kích thích tự giác học tập, nghiên cứu cho sinh viên trong quá trình đào tạo nhà giáo tương lai, Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai.
- [3]. Nguyễn Ngọc Linh (2020), Giáo dục trực tuyến ở Việt Nam - Thị trường tiềm năng, Tạp chí con số và sự kiện - Tổng Cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- [4]. Zlatkin-Troitschanskaia, O., R. J. Shavelson, and C. Kuhn. (2015), "The International State of Research on Measurement of Competency in Higher Education." Studies in Higher Education 40 (3): 393-411.



vi sự nghiệp phát triển
GIÁO DỤC

TỰ CHỦ ĐẠI HỌC Ở...

(Tiếp theo trang 9)

hàng đầu. Họ tìm mọi cách tăng thu, giảm chi và tìm mọi cách thức để “đào tạo với giá rẻ”. Do đó chất lượng đào tạo trở lên đáng báo động. Nhiều doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên phải lên tiếng “Tố cáo chất lượng của các trường đại học”, vì kiến thức, kĩ năng của SV quá yếu, họ phải tiến hành đào tạo lại.

Chính vì vậy, việc trao quyền tự chủ về tài chính cho các CSGD đại học không đồng nghĩa với việc cắt bỏ nguồn ngân sách nhà nước mà phải được hiểu là trên nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước cấp, cho phép các trường tự quyết định các khoản chi, mua sắm, tiết kiệm và có quyền chuyển số tiền dư sang năm sau.

3.5. Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng về chuyên môn, học thuật và cơ chế giám sát

Để tự chủ có thể trở thành hiện thực, hệ thống kiểm định chất lượng nhất thiết phải được củng cố toàn diện cả về năng lực triển khai cũng như tính thực chất để trở thành căn cứ vững chắc cho cơ chế TCDH hoàn toàn. Tuy Bộ GD&ĐT đã có tổ chức kiểm định chất lượng, nhưng rất cần các tổ chức kiểm định chất lượng độc lập, không thuộc hay trực thuộc Bộ GD&ĐT để đảm bảo tính khách quan, trung thực, tránh tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Việc kiểm định chất lượng về chuyên môn, học thuật không phải là để kiểm soát gắt gao mà là để tạo ra khuôn khổ pháp lý để các nhà khoa học được thực sự tự do sáng tạo, tự do học thuật. Vì nếu tự do học thuật không được đảm bảo, GDDH khó có thể thực hiện được sứ mệnh của mình.

Bên cạnh đó việc đánh giá, giám sát cần được tiến hành dựa trên đánh giá kết quả đầu ra (KPIs) về Khoa học công nghệ, chất lượng đào tạo, mức độ quốc tế hóa, cơ sở vật chất mà CSGD đã cam kết và lấy đó làm tiêu chí quan trọng cho đầu tư, hỗ trợ của nhà nước cho từng CSGD. Việc giám sát KPIs nên giao cho một cơ quan, tổ chức độc lập xếp hạng, đánh giá.

IV. KẾT LUẬN

TCDH là tâm điểm của cải cách giáo dục đại học, là con đường tất yếu phải đi của các trường đại học Việt Nam dù muốn hay là không. Vì không có TCDH sẽ không có những trường đại học mạnh, chuẩn hóa và quốc tế hóa. Muốn ĐHTC một cách hoàn toàn, không dè dặt, phải tháo gỡ được những rào cản, những áp lực vô hình từ cơ chế. Đặc biệt phải xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ và thống nhất để tạo được niềm tin về lợi ích và sự dũng cảm cho các CSGD đại học đi tiên phong.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Minh Thuận (2018)- Giáo dục đại học: “Khoản học thuật” trước tiên. Tạp chí Tia sáng. <https://tiasang.com.vn/-giao-duc/Giao-duc-dai-hoc-%E2%80%9CKhoan-hoc-thuat%E2%80%9D-truoc-tien-12681>.
- 2. Đỗ Thị Ngọc Quyên (2019)- Tự chủ và tự do học thuật trong giáo dục đại học Việt Nam. <https://tiasang.com.vn/-giao-duc/Tu-chu-va-tu-do-hoc-thuat-trong-giao-duc-dai-hoc-Viet-Nam-18517>.
- 3. Nguyễn Vũ Bích Hiền và cộng sự (2016)- Tự chủ đại học và vấn đề đặt ra đối với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Tạp chí Khoa học Trường ĐHTSP Hà Nội, tập 61, số 8A, pp 111-117
- 4. Trần Đức Viên (2017)- Nhận thức về tự chủ đại học: Tự chủ khác với tự lo. <https://tiasang.com.vn/-doi-moi-sang-tao/Nhan-thuc-ve-tu-chu-dai-hoc-Tu-chu-khac-voi-tu-lo-10830>
- 5. Thu Quỳnh (2017)- Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình: Hai mặt của một vấn đề. <https://tiasang.com.vn/-giao-duc/Tu-chu-dai-hoc-va-trach-nhiem-giai-trinh-Hai-mat-qua-mot-van-de-11009>